

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày 05-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Võ Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-DS ngày 15/10/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vàng A C và chị Giàng Thị L; địa chỉ: Cụm 4 (nay là thôn 6), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lương Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.** Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Lương Văn M) trình bày: Ngày 08/02/2018, vợ chồng anh Vàng A C, chị Giàng Thị L thỏa thuận với anh Nguyễn Thanh T gia công độ chế một xe công nông với chi phí 88.000.000 đồng, vật liệu để gia công xe do anh T chịu trách nhiệm; kết quả sau khi hoàn thành xe phải đảm bảo các nội dung: Hộp số Cao Phong; tời 60m, loại cáp 10; phen 02 ty; thắng

cơ; thùng dài 03m, rộng 1,2m; Máy Vikino 30; tời rút gỗ phía trước và sau; bánh trước và sau mới; tay lái trợ lực làm từ sắt tốt. Vợ chồng anh C đã nhiều lần giao tiền cho anh T ứng trước với tổng số tiền là 73.000.000 đồng; sau đó anh C nhiều lần gọi điện hỏi anh T về việc gia công và giao xe nhưng anh T hẹn sẽ giao nhưng sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo và không để lại địa chỉ; vợ chồng anh C đã tố cáo đến Công an huyện Đắk Glong về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng được kết luận hành vi của anh T không phạm tội. Vì vậy, vợ chồng anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả lại cho vợ chồng anh C 73.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T và thực hiện niêm yết thủ tục tố tụng đối với anh T theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Giữa vợ chồng anh C và anh T có thỏa thuận với nhau về việc gia công xe công nông, anh T đã nhận 73.000.000 đồng tiền ứng trước nhưng sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương; vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C, chị L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu **anh T** phải hoàn trả tiền ứng trước để gia công xe công nông. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh là "*Tranh chấp hợp đồng gia công*"; **anh T đăng ký tạm** trú tại Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với anh T nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Giữa vợ chồng anh C, chị L và **anh T** có thỏa thuận gia công làm xe công nông, trong đó anh T là người thực hiện làm xe, vợ chồng anh C, chị L nhận xe và trả tiền; vợ chồng anh C đã đưa trước 73.000.000 đồng thể hiện tại

giấy nhận làm xe có chữ ký của anh T tại các lần nhận tiền. Vì vậy, hợp đồng gia công giữa vợ chồng anh C và anh T là có trên thực tế, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các điều 542, 544, 546 của Bộ luật dân sự. Anh T Ca giao xe nên thuộc trường hợp vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận quy định tại khoản 3 Điều 546 của Bộ luật Dân sự; anh T bỏ đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú nên thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng và cố tình che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ theo quy định tại Điều 551 của Bộ luật dân sự và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C, chị L về việc buộc anh T trả lại 73.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh C, chị L được chấp nhận nên anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 542; Điều 544; Điều 547; Điều 551; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **anh Vàng A C, chị Giàng Thị L**, buộc **anh Nguyễn Thanh T** trả lại cho anh C, chị L 73.000.000 (*bảy mươi ba triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* **Buộc anh Nguyễn Thanh T** phải chịu 3.650.000 (*ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Vàng A C, chị Giàng Thị L 1.850.000 (*một triệu tám trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai số **0003957** ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuấn